TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27 /2018/HNGĐ – ST
Ngày 05 tháng 6 năm 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Duy Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Phạm Huy Cảm;

2. Ông: Hoàng Văn Ngân;

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Bích Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lào Cai.

Ngày 05/6/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2018/TLST- HNGĐ ngày 09/03/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26 /2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thuỳ G.

Địa chỉ: Tổ 28, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nông Văn B (Tên gọi khác: Nông Vũ H) .

Nơi đăng ký hộ khẩu: Tổ 8, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 043, đường T, tổ 19B, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 02/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thùy G trình B:

Chị và anh Nông Văn B kết hôn với nhau có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai vào ngày 29/6/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuân thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống dẫn đến không có tiếng nói chung, không có sự cảm thông, chia sẻ, cuộc sống chung không hòa hợp. Từ đó vợ chồng thường xuyên xô sát, mâu thuẫn, cãi chửi nhau dẫn đến cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2017, mỗi người sống một nơi không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin được ly hôn với anh Nông Văn B.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị sinh được một con chung tên là Nông Khả N, sinh ngày 19/10/2014. Nay ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn anh Nông Văn B trình B***:**

Về hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn chị Hoàng Thùy G trình B là đúng sự thật. Về mâu thuẫn vợ chồng anh cho rằng chị G trình B là không đúng, thực tế vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, vẫn có khả năng khắc phục được. Nguyên nhân phát sinh là do hoàn cảnh gia đình, anh phải đi làm để lấy tiền trang trải cuộc sống của bản thân cũng như gia đình, công việc của anh phải làm đêm và có khi làm cả đêm chính vì vậy không có sự chăm sóc quan tâm đến vợ con, anh xét thấy mâu thuẫn này có khả năng khắc phục được. Chị G nói vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2017 chị về nhà mẹ để để ở là không đúng mà chị G về nhà mẹ đẻ ở từ 12/2017, khi ly thân thỉnh thoảng anh xuống thăm vợ và con. vì vậy anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Nông Khả N, sinh ngày 19/10/2014. Nay ly hôn anh cũng có nguyện vọng nuôi cháu Nông Khả N đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nông Văn B vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn, nếu phải ly hôn anh đồng ý để chị nuôi con anh sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu Ngân đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Hoàng Thùy G và anh Nông Văn B kết hôn với nhau có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai theo giấy chứng nhận kết hôn số 32/2014, quyển số 01/2014 vào ngày 29 tháng 6 năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, như vậy hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ và công nhận.

[2] Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai chị Hoàng Thùy G vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Anh Nông Văn B không nhất trí.

Xét thấy trong quá trình chung sống thì chị G và anh B đã sống ly thân từ tháng 9/2017, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến không có tiếng nói chung, không có sự cảm thông, chia sẻ cuộc sống gia đình, xuất phát từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau dẫn đến cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, không có hạnh phúc, anh B cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức trầm trọng có khả năng khắc phục được nhưng thực tế trong quá trình giaỉ quyết vụ án cũng như trong thời gian sống ly thân mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn thể hiện bằng việc chị G cương quyết ly hôn, tại biên bản hòa giải ngày 24/4/2018 anh B nhất trí ly hôn, đến ngày 16/5/2018 thì anh B không đồng ý ly hôn, như vậy trong quá trình chung sống chị G và anh B phát sinh mâu thuẫn là có thật, xét thấy mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chấp nhận yêu cầu của chị G, không chấp nhận yêu cầu của anh B, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị G được ly hôn anh Nông Văn B.

[3] Về con: Chị Hoàng Thùy G và anh Nông Văn B chung sống với nhau sinh được một cháu Nông Khả Ngân, sinh ngày 19/10/2014, hiện tại cháu đang sống với chị G. Tại phiên Tòa chị G có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nếu phải ly hôn anh B đồng ý để chị G nuôi, anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ/thnga cho đến khi cháu Ngân đủ 18 tuổi.

Xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân tháng 9/2017 thì cháu Nông Khả N vẫn sống cùng chị G, bản thân chị G hiện tại đang sống cùng với bố mẹ đẻ tại tổ 28, phường P thành phố L, chị đang đi làm tại C – Công ty A có mức lương 4.600.000đ/tháng (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng), ngoài ra chị còn đi làm thêm cho Công ty Cổ phần khoáng sản P mức thu nhập là 6.000.000đ/ tháng (sáu triệu đồng). Bản thân anh B theo như các bản khai và biên bản hòa giải anh cung cấp mức thu nhập là 10.000.000đ/tháng, Tòa án đã yêu cầu anh cung cấp chứng cứ, chứng minh về mức thu nhập nhưng anh không cung cấp. Nay anh đồng ý để chị G nuôi con, chị G cũng đồng ý, xét thấy việc anh B đồng ý để chị G nuôi con là tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G và anh B, giao cháu Nông Khả N cho chị G nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: tại phiên tòa chị G không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con, anh B tự nguyện cấp dưỡng là 2.000.000đ /tháng cho đến khi cháu trưởng thành, mặc dù chị G không yêu cầu nhưng để đảm bảo quyền lợi cho hai cháu và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo qui định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh B là cấp dưỡng cho cháu Nông Khả N 2.000.000đ /tháng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, chị G phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật, anh B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên**:**

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Hoàng Thùy G được ly hôn anh Nông Văn B (Tên gọi khác: Nông Vũ H).

2. Về con: Chị Hoàng Thùy G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Khả N, sinh ngày 19/10/2014 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Nông Văn B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Nông Khả N mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Nông Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án song khoản tiền cấp dưỡng ở trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí: Chị Hoàng Thùy G phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố

L, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0004944 ngày 09/3/2018. Chị Hoàng Thùy G đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nông Văn B (tên gọi khác: Nông Vũ H) phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TA tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TP Lào Cai;
- Đương sự (2);
- THA DS;
- UBND P. Pom Hán;
- Lưu TA,VP,HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Duy Chiến

CÁC HỘI THẨM **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Duy Chiến

TP Hoàng Duy Chiến báo cáo vụ án ly hôn:

1.Nguyên đơn: Chị Hoàng Thuỳ G.

Địa chỉ: Tổ 28, phường Pom Hán, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

2. *Bị đơn:* Anh Nông Văn B.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Tổ 19, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 043, đường Trần Quốc Hoàn, tổ 19B, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 02/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thùy G trình B:

Chị và anh Nông Văn B kết hôn với nhau có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân phường Pom Hán, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai vào ngày 29/6/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn vài năm đầu thì phát sinh mâu thuân thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến không có tiếng nói chung, không có sự cảm thông, chia sẻ, cuộc sống chung không hòa hợp. Từ đó vợ chồng thường xuyên xô sát, mâu thuẫn, cãi chửi nhau dẫn đến cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2017, mỗi người sống một nơi không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin được ly hôn với anh B.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị sinh được một người con chung tên là Nông Khả Ngân, sinh ngày 19/10/2014. Nay ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Nông Khả Ngân, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn anh Nông Văn B trình B***:**

Về hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn chị Hoàng Thùy G trình B là đúng sự thật. Về mâu thuẫn vợ chồng anh cho rằng chị G trình B là không đúng, thực tế vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, vẫn có khả năng khắc phục được. Nguyên nhân phát sinh là do hoàn cảnh gia đình, anh phải đi làm để lấy tiền trang trải cuộc sống của bản thân cũng như gia đình, công việc của anh phải làm đêm và có khi làm cả đêm chính vì vậy không có sự chăm sóc quan tâm đến vợ con, anh nghĩ mâu thuẫn này anh sẽ khắc phục được. Chị G nói vợ chồng sông ly thân từ tháng 9/2017 chị về nhà mẹ để để ở là không đúng mà chị G về nhà mẹ đẻ ở từ 12/2017, khi ly thân thì cứ có thời gian anh xuống thăm vợ và con. vì vậy anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Nông Khả Ngân, sinh ngày 19/10/2014. Nay ly hôn anh cũng có nguyện vọng nuôi cháu Nông Khả Ngân đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm.

QUAN ĐIỂM

Căn cứ Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Hoàng Thùy G được ly hôn anh Nông Văn B.

2. Về con: Chị Hoàng Thùy G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Khả Ngân, sinh ngày 19/10/2014 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Nông Văn B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Nông Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Hoàng Thùy G phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0004944 ngày 09/3/2018. Chị Hoàng Thùy G đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,